

Bản án số: 74 / 2023/ HSST
Ngày: 27/ 12/ 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và Lê Thu Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trịnh Việt Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/ HSST ngày 30/11/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/ QĐXXST- HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Trọng D, sinh năm 2002; nơi sinh tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: Xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L; có vợ: Chị Trần Thị Thanh H và có 02 con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo hiện đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Hà Tĩnh khởi tố vụ án (theo Quyết định khởi tố vụ án số 54 ngày 16/10/2023 và Quyết định khởi tố bị can số 111 ngày 19/10/2023) để điều tra về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, theo lệnh của Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị L; sinh năm 1997; trú tại: Xóm 2 Vân T, xã Khánh V, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Văn K; sinh năm 1979; trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Trần Thị Thanh H, có mặt; anh Nguyễn Mạnh H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng D, sinh năm 2002, trú tại xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 15h ngày 28/4/2023, D điều khiển xe mô tô dạng xe Dream, vỏ màu nâu, không có yếm, biển kiểm soát 29X1-4495 từ nhà ở huyện K theo lối đường Quốc lộ 10 để sang nhà vợ ở huyện V, tỉnh Nam Định. Khi đi qua khu vực cơ sở chuyển phát nhanh J&T thuộc phố 1B, thị trấn Y, huyện Y, D phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 của chị Hoàng Thị L, sinh năm 1997 trú tại xóm 2, Vân T, xã K, huyện Y dựng trên vỉa hè, xe không khóa cổ, khóa càng, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh không thấy người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm cắp. D điều khiển xe mô tô dạng Dream đến gần xe mô tô của chị L, dựng ở sát mép đường bên phải hướng Kim S - Ninh Bình rồi lén lút ngồi lên xe mô tô của chị L nổ máy và điều khiển xe về hướng thành phố Ninh Bình tẩu thoát. Sau đó, D mang xe đến quán sửa xe của anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1982, trú tại xóm 9, Trình X, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định để sửa chữa rồi gọi điện thoại cho vợ là chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 2001, trú tại xóm 10, thôn R, xã L, huyện V đến đón về nhà chị H. Đến khoảng 15h30' ngày 29/4/2023, D bảo chị H chở ra quán sửa xe rồi lấy xe mô tô đi Hà Nội. Ngày 30/4/2023, D bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho một người đàn ông không quen biết ở thành phố Hà Nội với giá 6.000.000 đồng, số tiền này D tiêu sài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG ngày 06/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y xác định giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, vỏ màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 tại thời điểm ngày 28/4/2023 là 9.933.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 D bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ trên thành phố Hà Nội. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy tìm đối với chiếc xe mô tô này nhưng chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục truy tìm và xem xét xử lý sau đối với chiếc xe mô tô của chị L và người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô này.

Chiếc xe mô tô dạng xe Dream, màu nâu, không có yếm, đeo biển kiểm soát 29X1-4495 D để lại tại hiện trường được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết cùng vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị L yêu cầu Nguyễn Trọng D bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, vỏ màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 bị mất không thu giữ được theo giá của Kết luận định giá tài sản là 9.933.000 đồng, đến nay D chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trọng D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSYK ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng D, ra

trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 357; 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo D phải bồi thường cho chị Hoàng Thị L về giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, vỏ màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 bị mất không thu giữ được theo giá của Kết luận định giá tài sản là 9.933.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự: Tịch thu hóa giá để sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô dạng xe Dream, màu nâu, không có yếm, đeo biển kiểm soát 29X1- 4495, là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Trọng D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, sơ đồ hiện trường, phương tiện phạm tội và bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15h ngày 28/4/2023, D điều khiển xe mô tô, không có yếm, biển kiểm soát 29X1-4495 từ nhà ở huyện K, đi theo đường Quốc lộ 10 với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi D đi đến cơ sở chuyển phát nhanh J&T thuộc phố 1B, thị trấn Y, huyện Y, thì phát hiện xe

mô tô màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 của chị L, đang dựng trên vỉa hè, xe không khóa cổ, khóa càng, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, thấy không có người trông coi. D điều khiển xe mô tô đi đến gần xe của chị L, D để xe của mình lại rồi ngồi lên xe mô tô của chị L, nổ máy xe và đi lên thành phố Ninh Bình để tẩu thoát. Sau đó, D đi đến quán sửa xe của anh H ở xã L, huyện V, tỉnh Nam Định để lại xe ở quán để sửa, rồi D điện cho vợ là chị H đến đón về nhà bố mẹ chị H ở xã L, huyện V chơi. Đến khoảng 15h30' ngày 29/4/2023, D bảo chị H chở ra quán sửa xe rồi lấy xe mô tô đi Hà Nội. Đến ngày 30/4/2023, D bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho một người đàn ông không quen biết ở thành phố Hà Nội với giá 6.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG ngày 06/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y xác định giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, vỏ màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 tại thời điểm ngày 28/4/2023 là 9.933.000 đồng.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng D đã lén lút và chiếm đoạt chiếc xe mô tô là tài sản của chị L có giá trị 9.933.000 đồng nêu trên đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và còn gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện Y. Bị cáo D là người đã trưởng thành có đủ năng lực, nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết nặng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Song ngoài hành vi bị truy tố và

xét xử về tội trộm cắp tài sản, bị cáo D hiện đang bị Cơ quan tiến hành tố tụng huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, điều tra, truy tố và xét xử D về tội danh “Cưỡng đoạt tài sản”, hiện tại bị cáo D đang bị tạm giam theo Lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra huyện T vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này sau khi trộm cắp được xe D còn có hành vi mở cốp xe thấy có giấy đăng ký xe và đơn thuốc có ghi số điện thoại của chị L. D sử dụng zalo kết bạn zalo với chị L. Sau đó, D nói dối chị L chuyển 2.000.000 đồng, D sẽ trả lại xe cho chị L. Chị L tin tưởng đồng ý chuyển trước cho D 1.000.000 đồng và hẹn khi nhận được xe sẽ chuyển nốt số tiền còn lại. Khoảng 11 giờ 30 ngày 29/4/2023, D gặp một nam thanh niên không rõ tên tuổi địa chỉ ở khu vực xã L, huyện V và mượn số tài khoản của người này rồi yêu cầu chị L chuyển tiền vào. Sau khi nhận được tiền thì nam thanh niên này đã đưa cho D 1.000.000 đồng. Sau đó, D hẹn chị L mang chiếc xe mô tô của D đến cầu Lim, thành phố Ninh Bình để đổi chiếc xe mô tô của chị L và chuyển nốt số tiền 1.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ cùng ngày chị L đi đến khu vực cầu Lim nhắn tin nói chuyện với D. Lúc này, D yêu cầu chị L chuyển nốt số tiền 1.000.000 đồng thì sẽ để xe lại cho chị L đến lấy nhưng chị L nói không có tiền ở tài khoản và muốn gặp D để lấy xe thì sẽ đưa trực tiếp tiền cho D. D không đồng ý nên chị L không chuyển tiền cho D nữa mà đi về. Như vậy, mặc dù có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của chị L tuy nhiên bản thân D chưa có tiền án, tiền sự về các tội chiếm đoạt, số tiền chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nên hành vi này của D không phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến Công an huyện Y và đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và truy thu số tiền 1.000.000 đồng theo quyết định xử phạt hành chính.

Đối với anh H là người sửa chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B3-629.87 do D mang đến; chị H là người đến đón D và biết D đang quản lý, sử dụng chiếc xe này. Nhưng anh H và chị H đều không biết nguồn gốc xe mô tô trên là do D trộm cắp mà có nên không vi phạm.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô dạng xe Dream, màu nâu, không có yếm, đeo biển kiểm soát 29X1- 4495 thu giữ là tài sản của bị cáo, do sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do không thu giữ được chiếc xe mô tô nên chị L yêu cầu bị cáo D có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe mô tô theo giá trị đã định giá là 9.933.000 đồng, do vậy cần buộc bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho chị L về giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B3-629.87 là 9.933.000 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo D đã thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Căn cứ các Điều 357; 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Hoàng Thị L về giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, vỏ màu đỏ, đen, biển kiểm soát 36B3-629.87 bị mất không thu giữ được theo giá trị của Kết luận định giá tài sản là 9.933.000 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tịch thu hóa giá để sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô dạng xe Dream, màu nâu, không có yếm, đeo biển kiểm soát 29X1- 4495, do đã sử dụng làm phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Vật chứng có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Y.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và nộp 496.600 đồng (bốn trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo. Bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung